

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST

Ngày 20-02-2023

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Tân**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Bích Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 333/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1975. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Ông **Tsinh** ngày 10/10/1953. Quốc tịch: Đài Loan - Trung Quốc. Số chứng minh thư: L..... Số hộ chiếu: 3.... Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Địa chỉ: Số 85-17 Tr, khu Th, thành phố Đ, Đài Loan (Trung Quốc).

3. *Người được ông T ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện K, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T gặp gỡ và quen biết nhau trong thời gian bà đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc). Sau thời gian tìm hiểu ông bà quyết định về chung sống cùng nhau. Năm 2014 khi hết thời hạn lao động bà về Việt Nam sinh sống, thỉnh thoảng ông T về thăm bà. Ngày 04/11/2015, ông

Tùng bà làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh Hải Dương. Năm 2016 ông T về Việt Nam để đón bà sang Đài Loan (Trung Quốc) nhưng không thực hiện được, từ đó dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, vợ chồng mỗi người ở một nơi nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt, thực tế ông, bà đã sống ly thân nhiều năm, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không có khả năng để đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông T theo quy định.

Về con chung; tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị, đơn đề nghị giải quyết ly hôn vắng mặt và giấy ủy quyền của ông T thể hiện: Vợ chồng ông kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ngày 14/11/2015. Sau khi kết hôn, do vợ chồng không thể về chung sống cùng nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà Hạ có đơn xin ly hôn, ông cũng nhất trí. Về con chung; tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX), các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của bà Hạ và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho bà Hạ được ly hôn ông T(C). Bà Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Bị đơn ông T quốc tịch Đài Loan - Trung Quốc, hiện đang cư trú tại số 85-17 phố Tr, khu Th, thành phố Đ, Đài Loan (Trung Quốc). Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, ông T không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng đã gửi đơn đề nghị, đơn đề nghị giải quyết ly hôn vắng mặt, giấy ủy quyền đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu này đều được Văn phòng kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Đài Loan (Trung Quốc) hợp pháp hóa lãnh sự. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định đúng ý chí, quan điểm của ông T(C). Tại phiên tòa, bà Hạ và ông T vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, ngày

04/11/2015 là hôn nhân hợp pháp. Đến năm 2016 vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T về Việt Nam để đón bà sang Đài Loan (Trung Quốc) sinh sống cùng nhau nhưng không thực hiện được, từ đó vợ chồng mỗi người ở một nơi khiến tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Ông T không về Việt Nam tham gia tổ tụng nhưng đã gửi văn bản xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, ông bà đã sống ly thân nhiều năm, không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho bà Trần Thị H ly hôn ông T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà **Trần Thị H** ly hôn ông **T(C)**.

2. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002361 ngày 31 tháng 10 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Ông T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhân:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

#### **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Minh Tân**